

KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM MỘT SỐ GIỐNG RAU MỚI CỦA HÀN QUỐC TẠI MIỀN BẮC VIỆT NAM

Trịnh Khắc Quang, Tô Thị Thu Hà, Ngô Thị Hạnh,
Nguyễn Tuấn Dũng, Hoàng Minh Châu,
Nguyễn Xuân Điệp, Lê Thị Tinh

SUMMARY

Results of Korean vegetable variety trials in the North of vietnam

Through Vietnam - Korea collaborative projects - KOPIA, many kinds and varieties of Korean vegetables were trialled for adaptation of Vietnamese conditions. The experiments were conducted at Fruit and Vegetable Research Institute from 2009 to 2012. The experiments were layed out in the randomized complete block design with 3 replications. The trail processes were according to the of the Ministry of Agriculture and Rural Development technical regulations. The results identified Korean vegetable varieties were suitable to grow well in conditions of Vietnam, gave high yield and good quality, disease resistance at field level. Specifically addressed varieties as hot peppers Bima, Buchon, Highfly; tomatoes Nova, Ceres; zucchini Azura, Star Ol; radish Song Jeong, Won Go Summer, RA103; curly lettuce Ha Cheong and heading lettuce Man Sang. The promising varieties were tested in the Spring and Winter season 2012 in Hanoi and Quang Ninh provinces. Those varieties were showed the own characteristics of each variety, vigor growing, yield was 11 - 50% higher than the control and farmers got high income.

Keywords: Korean, trial, variety, vegetables, Vietnam.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với điều kiện tự nhiên đa dạng, Việt Nam có thể trồng quanh năm hầu hết các chủng loại rau có trên thế giới. Sản xuất rau là một ngành mang lại hiệu quả kinh tế cao cho nông dân (trung bình gấp 3 - 4 lần so với trồng lúa). Ngoài việc đảm bảo nhu cầu tiêu dùng trong nước, rau xanh và rau chế biến còn đóng góp quan trọng vào kim ngạch xuất khẩu của ngành nông nghiệp. Ngoài ra, ngành trồng rau còn thu hút một lực lượng lớn lao động và tạo thêm các việc làm thông qua việc phát triển ngành chế biến và dịch vụ.

Trong số các cây trồng nông nghiệp ở nước ta hiện nay, rau là nhóm cây có tỷ lệ giống lai được sử dụng trong sản xuất cao,

đứng thứ 2 sau cây ngô, tương đương mức trung bình toàn thế giới: 64 - 67% (Trần Khắc Thi, 2008). Tuy nhiên phần lớn các giống lai trồng trong sản xuất hiện nay được nhập từ nước ngoài hoặc do các công ty nước ngoài sản xuất và cung ứng giống tại Việt Nam với giá thành cao, nhiều giống chưa khảo nghiệm tính thích ứng nên đã gây rủi ro cho người sản xuất. Việc nghiên cứu khảo nghiệm và xác định các giống rau nhập nội của Hàn Quốc nhằm phát triển giống và tăng hiệu quả sản xuất là yêu cầu cấp bách của ngành rau. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, sự hợp tác chặt chẽ giữa hai nước Việt Nam và Hàn Quốc đang mở ra xu hướng sản xuất những sản phẩm có năng suất và chất lượng cao, cung cấp cho thị trường nội địa và xuất khẩu sang Hàn Quốc.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

giống khảo nghiệm từ 2009-2012 tại Viện Nghiên cứu Rau quả như sau:

1. Vật liệu nghiên cứu

Vật liệu cho thí nghiệm khảo nghiệm cơ bản: Các loại cây trồng và số lượng mẫu

TT	Tên cây	Giống lượng giống Hàn Quốc	Giống Việt Nam (Đối chứng)	Tổng số
1	Ớt cay (<i>Capsicum annum</i> L.)	62	2	64
2	Cà chua (<i>Lycopersicon esculentum</i> Miller)	59	3	62
3	Bí ngòi (<i>Cucurbita pepo</i> var. <i>melopepo</i>)	9	1	10
4	Cải củ (<i>Raphanus sativus</i> L.)	30	2	32
5	Xà lách (<i>Lactuca sativa</i>)	16	2	18

Vật liệu cho khảo nghiệm sản xuất

TT	Cây	Tên giống	
		Hàn Quốc	Việt Nam (ĐC)
1	Cà chua	Ceres, Nova	Savior
2	Ớt	Bima, High fly	HB9, TN207
3	Cải củ	Song Jeong, Go Won Summer	TN45
4	Xà lách	Ha cheong, Man sang	NH131
5	Bí ngòi	Azura, Star ol Zucchini	Bulam House

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp bố trí thí nghiệm

- Thí nghiệm khảo nghiệm cơ bản: Mỗi giống là 1 công thức thí nghiệm.

Nhóm rau ăn quả: Diện tích ô thí nghiệm là 7,5 m².

Nhóm rau ăn lá: Diện tích ô thí nghiệm là 5,0 m².

Thí nghiệm được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ với 3 lần nhắc lại.

- Thí nghiệm khảo nghiệm sản xuất: Theo Quy phạm khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng (VCU). Diện tích ô thí nghiệm 500 m²/giống, không nhắc lại.

- Địa điểm:

+ Thí nghiệm khảo nghiệm: Khu thí nghiệm của Viện Nghiên cứu Rau quả

+ Mô hình: Xã Thanh Xuân - Sóc Sơn - Hà Nội và xã Nguyễn Huệ - Đông Triều - Quảng Ninh.

- Thời gian:

+ Thí nghiệm khảo nghiệm: Từ 8/2009 - 12/2012.

+ Mô hình: Từ 2/2012 - 3/2013.

Phương pháp thu thập số liệu

Các chỉ tiêu theo dõi: Thời gian sinh trưởng, đặc điểm nông học của cây, lá, hoa, quả, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất, tình hình sâu bệnh hại.

Phương pháp phân tích số liệu

Xử lý số liệu trên phần mềm IRRISTAT 5.0.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Khảo nghiệm đánh giá giống

Các giống khảo nghiệm tại Viện Nghiên cứu Rau quả được trình bày theo từng loại cây trồng dưới đây.

Cây ớt cay

Bảng 1. Phân nhóm ớt theo đặc điểm quả và năng suất

STT	Chỉ tiêu theo dõi	Số mẫu giống
	Thời gian sinh trưởng	
1	Dưới 150 ngày	17
2	Trên 150 ngày	47
	Khối lượng quả (g/quả)	
1	Dưới 10g	20
2	Từ 10-19g	34
3	Trên 20g	10
	Năng suất	
1	Năng suất của các giống đạt dưới 10 tấn/ha	19
2	Năng suất của các giống đạt từ 11 - 10 tấn/ha	39
3	Năng suất của các giống đạt từ 21 tấn/ha trở lên	6
	Tổng	64

Qua 6 vụ thử nghiệm 62 giống ớt nhập khẩu từ Hàn Quốc đã chọn được các giống triển vọng có khả năng thích ứng với điều kiện khí hậu và canh tác của Việt Nam. Các giống sinh trưởng tốt, năng suất tương đương hoặc cao hơn giống của Việt Nam. Một số giống có độ khô cao, màu đỏ đẹp rất thích hợp cho sấy khô. Các giống triển vọng là:

Giống Bima: Là giống chỉ địa, kích thước quả 12 - 15cm × 1,6 - 1,8cm, khối lượng quả: 13 - 15g, khi chín có màu đỏ đậm, tỷ lệ chất khô cao: 19 - 20%, rất thích hợp cho sấy khô. Khả năng chống bệnh thán thư trung bình. Năng suất đạt 22 - 25 tấn/ha.

Giống Buchon: Là giống chỉ địa, kích thước quả 12 - 13cm × 1,6 - 1,8cm, khối lượng quả: 15 - 17g, khi chín có màu đỏ

đậm, tỷ lệ chất khô: 19 - 20%, rất thích hợp cho sấy khô. Khả năng chống bệnh thán thư khá. Năng suất đạt 22 - 26 tấn/ha.

Giống High Fly: Thuộc nhóm chi thiên có ưu điểm nổi bật như: Chiều cao cây từ 80-90cm, quả mọc thành chùm nên giảm công thu hái, kích thước quả 6 - 7cm × 1 - 1,1cm, tỷ lệ chất khô rất cao 23 - 24%. Năng suất đạt 13,0 - 15,0 tấn/ha.

Cây cà chua

Qua so sánh các mẫu giống và dạng hình sinh trưởng, đặc điểm nông học và năng suất ở các thời vụ khác nhau. Các mẫu giống được phân nhóm như sau:

Bảng 2. Phân nhóm cà chua theo dạng hình sinh trưởng, đặc điểm quả và năng suất

STT	Chỉ tiêu theo dõi	Số mẫu giống
	Thời gian sinh trưởng	
1	Dưới 150 ngày	32
2	Trên 150 ngày	30
	Dạng hình sinh trưởng	
1	Vô hạn	10
2	Bán hữu hạn	17
3	Hữu hạn	35
	Khối lượng quả (g/quả)	
1	50-80	9
2	80-120	8
3	>120	35
4	Quả nhỏ (cherry)	10
	Năng suất	
1	Năng suất của các giống đạt dưới 30 tấn/ha	12
2	Năng suất của các giống đạt từ 31 - 60 tấn/ha	34
3	Năng suất của các giống đạt từ 61 tấn/ha trở lên	18
	Tổng	62

Các giống cà chua của Hàn Quốc có thời gian sinh trưởng tương đương với các giống của Việt Nam nhưng cho năng suất cao hơn. Chất lượng giống tốt, chất khô và hàm lượng đường cao. Các giống triển vọng của Hàn Quốc là:

Giống Nova: Có dạng hình sinh trưởng bán hữu hạn, thời gian sinh trưởng 150 - 160 ngày. Kích thước quả: 6,6 - 6,8 × 6,1 - 6,3cm, quả chín đỏ tươi, khối lượng trung bình quả 140 - 150g. Độ Brix 4,5, hàm lượng đường 3,5% và vitamin C 15,2mg%. Năng suất đạt 90 - 100 tấn/ha vụ Đông Xuân và 40 - 45 tấn/ha vụ Xuân.

Giống Ceres: Có dạng hình sinh trưởng bán hữu hạn, thời gian sinh trưởng 150 - 160 ngày. Kích thước quả: 6,5 - 6,8 × 5,9 - 6,2cm, quả chín đỏ tươi, khối lượng trung bình quả 130 - 140g. Chất lượng tốt với độ Brix 4,3, hàm lượng đường cao 3,84%, vitamin C đạt 18,27mg%. Năng suất đạt 80 - 90 tấn/ha vụ Đông Xuân và 40 - 45 tấn/ha vụ Xuân.

Cây bí ngòi

Các giống bí ngòi từ Hàn Quốc sinh trưởng và phát triển tốt trong vụ Đông và vụ Xuân. Trong các mẫu giống khảo nghiệm, đã xác định được 2 giống triển vọng.

Giống Azura: Thể hiện sự vượt trội về sinh trưởng, phát triển, đặc điểm nông sinh học. Thời gian sinh trưởng 65 - 70 ngày trong vụ Xuân và 60 - 65 ngày trong vụ Đông. Dạng thân đứng, lá xẻ thùy sâu, cuống lá dài, góc lá hẹp. Dạng quả dài, vỏ quả màu trắng. Kích thước quả 20 - 23 × 7 - 8cm. Khối lượng quả 410 - 520g. Năng suất đạt 38 - 42 tấn/ha. Chất lượng quả: chất khô 5,34%, vitamin C 2,82 mg%; đường tổng số 1,17%. Chống chịu bệnh phấn trắng và sương mai khá.

Giống Star Oi: Thời gian sinh trưởng 65 - 70 ngày trong vụ Xuân và 60 - 65 ngày trong vụ Đông. Khả năng sinh trưởng khỏe. Dạng thân đứng, lá xẻ thùy sâu, cuống lá dài, góc lá hẹp. Dạng quả dài, vỏ quả màu xanh đậm. Kích thước quả 25 - 30 × 6 - 7cm. Khối lượng quả 400 - 500g. Năng suất đạt 45 - 55 tấn/ha. Chất lượng quả: chất khô 4,10%, vitamin C 2,16mg%; đường tổng số 1,23%. Chống chịu bệnh phấn trắng và sương mai khá. Là giống thích hợp cho nấu nướng.

Cây cải củ

Bảng 3. Phân nhóm theo đặc điểm củ cải

	Chỉ tiêu theo dõi	Số mẫu giống
	Thời gian sinh trưởng	
1	Dưới 70 ngày	5
2	Trên 70 ngày	26
	Dạng củ	
1	Vai củ xanh, thịt củ xanh và trắng, củ tròn, ngắn 22-25cm	23
2	Vai củ trắng, thịt củ trắng, củ tròn, dài 40-50cm	8
	Tổng	31

Qua 6 vụ trồng khảo nghiệm, các giống cải củ của Hàn Quốc thể hiện tính vượt trội về khả năng sinh trưởng, khối lượng củ và lá, đặc biệt năng suất cao hơn nhiều so với giống đối chứng của Việt Nam. Chất lượng củ tốt, thịt củ mềm, mịn, lâu hóa già. Tuy nhiên các giống có thời gian sinh trưởng dài hơn. Các giống triển vọng là:

Cải củ Song Jeong: Là giống cải củ triển vọng, mang nhiều đặc điểm quý. Thời gian sinh trưởng 75 - 85 ngày. Kích thước lá 40 - 45 × 12 - 13cm, có màu xanh đậm, xẻ thùy sâu, có lông. Vai củ màu xanh, thịt củ có màu trắng ở phần dưới, xanh ở trên. Tỷ lệ củ/lá cao. Kích thước củ 20 - 24 × 8 - 10cm, khối lượng củ 500 - 600 g/củ (vụ Xuân) và 1.000 - 1.200 g/củ (vụ Đông). Năng suất đạt 80 - 85 tấn/ha vụ Đông và 40 - 45 tấn/ha vụ Xuân. Ít bị sâu bệnh hại trong điều kiện đồng ruộng. Chất lượng củ tốt: ít xơ, đặc, thớ thịt củ mịn, lâu bị hóa bấc, chất khô 7,6%, vitamin C 17,0mg%, đường tổng số 2,7%.

Cải củ Go Won Summer: Thời gian sinh trưởng 75 - 80 ngày. Lá có màu xanh đậm, xẻ thùy sâu, có lông. Vai củ màu xanh, thịt củ có màu trắng ở phần dưới, xanh ở trên. Kích thước củ 23 - 25 × 9 - 11cm. Khối lượng củ 1,4 - 1,6 kg/củ. Tỷ lệ củ/lá cao, củ ít xơ, đặc, thớ mịn, lâu hóa già. Năng suất đạt 75 - 80 tấn/ha vụ Đông và đạt 35 - 45 tấn/ha vụ Xuân. Chất

